

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GT
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày 03-8-2023

V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh An Nhã

2. Ông Cao Hoài Lượm

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện GT.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện GT: Ông Hà Duy phúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện GT xét xử sơ thẩm công khai (trực tuY) vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Kim Y, sinh ngày 15/8/1988 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 05, ấp C, xã P, huyện GT, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh ngày 21/7/1988 (có đơn xin vắng)

Địa chỉ: Tổ 06, ấp T, xã P2, huyện GT, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị Kim Y trình bày:

Vợ chồng chị Y, anh T chung sống với nhau vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện không bị cưỡng ép, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn.

Anh chị chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến sau thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau, không ai quan tâm ai, anh chị đã không chung sống với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Chị Y nhận thấy, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận anh, chị là vợ chồng.

Về con chung: Chị Y và anh T có 01 con chung tên: Nguyễn Thành L, sinh ngày 18/9/2008, giới tính nam, hiện đang sống với chị Y. Chị Y xin được nuôi cháu L đến tuổi trưởng thành không yêu cầu anh T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Y và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thành T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày như sau:

Anh thống nhất với lời trình bày của vợ là chị Đặng Thị Kim Y. Ngoài ra anh T không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý Tòa án tuyên bố không công nhận anh và chị Y là vợ chồng.

Về con chung: Đồng ý giao con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GT phát biểu cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như qua theo dõi diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định quan hệ tranh chấp, đưa người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố không công nhận chị Y và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Y với anh T và nguyện vọng của cháu L. Giao cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 18/9/2008, giới tính nam cho chị Y nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y và anh T không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Án phí: Nguyên đơn chị Y phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

Chị Đặng Thị Kim Y nộp đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Thành T được Tòa án thụ lý ngày 30/3/2023 thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Luật này được áp dụng để giải quyết các quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T. Mặt khác, chị Y khởi kiện xin ly hôn anh T có địa chỉ tại tổ 06, ấp T, xã P2, huyện GT, tỉnh Kiên Giang nên việc khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện GT theo các Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Thành T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân, HĐXX nhận thấy: Tại thời điểm chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2007, chị Y và anh T đều có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cụ thể như sau:

Theo khoản 1, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Theo Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án

thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Như vậy, việc chung sống của chị Y và anh T do không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng và không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị Y và anh T khai nhận có 01 con chung tên Nguyễn Thành L, sinh ngày 18/9/2008, giới tính nam, hiện đang sống với chị Y.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Y và anh T và nguyện vọng của cháu L. Giao cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 18/9/2008, giới tính nam cho chị Y nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Y về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Y và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét;

[5] Về nợ chung: Không yêu cầu nên HĐXX không xét;

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng:

Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

2/ Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đặng Thị Kim Y và anh Nguyễn Thành T là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Y và anh T và nguyện vọng của cháu L. Giao cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 18/9/2008, giới tính nam cho chị Y nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Y về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được đảm bảo thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản và nợ chung: Chị Y và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn chị Đặng Thị Kim Y phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002785 ngày 30/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT, tỉnh Kiên Giang. Chị Y không phải nộp thêm.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/8/2023); Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện GT;
- Chi cục THADS huyện GT;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Hồng Phong